

《中文笔顺》

来自 朗朗中文-快乐识字卡
www.yes-chinese.com

姓名: _____

听写八

wū guī (turtle)

乌龟

hú dié (butterfly)

蝴蝶

qīng tíng (dragonfly)

蜻蜓

mì fēng (bee)

蜜蜂

wū yā (crow)

乌鸦

《中文笔顺》

来自 朗朗中文-快乐识字卡
www.yes-chinese.com

姓名: _____

jīn yú (gold fish)

金 鱼

lǎo yīng (eagle)

老 鹰

hǎi ōu (seagull)

海 鸥

wén zi (mosquito)

蚊 子

cāng ying (fly)

苍 蝇

《中文笔顺》

来自 朗朗中文-快乐识字卡
www.yes-chinese.com

姓名: _____

shā yú (shark)

鲨 鱼

yīng yú (whale)

鲸 鱼

hǎi tún (dolphin)

海 豚

qī é (penguin)

企 鹅

hǎi xīng (sea star)

海 星

《中文笔顺》

来自 朗朗中文-快乐识字卡
www.yes-chinese.com

姓名: _____

qīng wā (frog)

青 蛙

chì bǎng (wing)

翅 膀